



Hội thảo
Công bố báo cáo “Đánh giá tác động của
RCEP đối với nền kinh tế Việt Nam”
Tác động, cơ hội và thách thức

Hồ Chí Minh, 10/07/2015



MUTRAP IS FUNDED BY THE EUROPEAN UNION
JOINTLY IMPLEMENTED BY THE MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE OF VIET NAM

BÁO CÁO VỀ NGÀNH DỊCH VỤ

Vũ Thanh Hương
Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia

Hồ Chí Minh, ngày 10/7/2015

Nội dung

Đặc điểm của một số ngành dịch vụ

Các thành viên của thị trường và thương mại dịch vụ

Thương mại dịch vụ của Việt Nam với các nước RCEP

Kết luận và các vấn đề cần thảo luận

Lĩnh vực dịch vụ tại Việt Nam

- Có tốc độ tăng trưởng cao, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực sản xuất trong năm 2008, 2009, 2011 và 2012
- Là nhân tố thúc đẩy và là động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng
- Đóng góp vào GDP: 37-38%
- Số lượng doanh nghiệp: 247,545 năm 2011 (64%)
- Lao động: 16.3 triệu (31.4%) năm 2012 và 16.9 triệu vào Quý III/2013 (32%).

Đóng góp vào GDP

Bảng 1: Đóng góp vào GDP của một số ngành dịch vụ năm 2012-2013, giá hiện hành

Ngành	2012		2013 (ước tính)	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Dịch vụ phân phối	423,919 (thứ nhất)	13.06 (31.32)	481,344 (thứ nhất)	13.43 (31.01)
Dịch vụ tài chính	173,867 (thứ ba)	5.36 (12.85)	198,107 (thứ hai)	5.53 (12.76)
Dịch vụ chuyên nghiệp	41,974 (thứ 9)	1.29	48,044 (thứ 10)	1.34
Dịch vụ truyền thông	25,474	0.78	27,588	0.77

Nguồn: (TCTK, 2013c)

Số lượng Doanh nghiệp

Bảng 2: Số lượng doanh nghiệp trong một số ngành dịch vụ tại Việt Nam

Ngành	2011			2012
	Số lượng	% trong tổng doanh nghiệp	% trong tổng doanh nghiệp dịch vụ	
Dịch vụ phân phối	128,968	33.4	52.0	143,531
Dịch vụ tài chính	2,059	0.5	0.8	2,830
Dịch vụ chuyên nghiệp	27,778	7.2	11.2	28,781
Dịch vụ truyền thông	2,427	0.6	1	2,583

Nguồn: GSO (2013d), GSO (2013b), GSO (2013a), GSO (2014a), GSO (2014b)

Phân bổ lao động

Bảng 3: Phân bổ lao động trong một số ngành dịch vụ tại Việt Nam

Ngành	2012				Quý III/2013		
	Số lượng ('000)	% trong tổng lao động	% trong tổng lao động dịch vụ	Lương tháng ('000 VND)	Số lượng ('000)	% trong tổng lao động	% trong tổng lao động dịch vụ
Dịch vụ phân phối	6,400	12.3	39.1	3,774	6,600	12.6	39.4
Dịch vụ tài chính	314.2	0.6	1.9	6,855	319.4	0.6	1.9
Dịch vụ chuyên nghiệp	250.0	0.48	1.53	5,814	258.6	0.5	1.53
Dịch vụ truyền thông	209.7	0.41	1.29	5,880	248.4	0.47	1.47

Nguồn: GSO (2013d), GSO (2013b), GSO (2013a), GSO (2014a), GSO (2014b)

Ngành dịch vụ phân phối

- Dịch vụ bán lẻ
 - Chủ yếu là các quầy hàng tư nhân nhỏ và các chợ truyền thống.
 - 2012: 8547 chợ truyền thống, 659 siêu thị, và 115 trung tâm thương mại.
 - Bán lẻ hiện đại ngày càng thịnh hành
 - Xu hướng: bán lẻ hiện đại sẽ phát triển hơn nữa nhưng bán lẻ truyền thống vẫn chiếm tỷ lệ lớn
- Hình thức phân phối qua Thương mại điện tử, bán hàng qua tivi và điện thoại di động phát triển nhanh
- Nhượng quyền thương hiệu cũng phát triển nhanh

Dịch vụ tài chính

- Đứng thứ ba năm 2012, thứ hai năm 2013
- Ngành bảo hiểm
 - Bị tác động mạnh, đặc biệt bảo hiểm phi nhân thọ liên quan tới xây dựng và giao thông
 - Tổng doanh thu chủ yếu nhờ thu phí bảo hiểm và đầu tư
 - Thu từ Phí bảo hiểm phi nhân thọ (56%) lớn hơn so với bảo hiểm nhân thọ trong năm 2012
 - Đầu tư: 81% thu đầu tư từ các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ
 - Trong năm 2012, bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp 1.9% vào GDP, trong khi bảo hiểm nhân thọ và đầu tư là 0.69% và 0.39%.
- Dịch vụ ngân hàng
 - Tổng lợi nhuận: 28,600 tỷ đồng (lợi nhuận của các ngân hàng lớn cũng giảm)
 - Các ngân hàng thương mại tư nhân bị tác động nhiều hơn bởi suy thoái kinh tế so với các ngân hàng nhà nước hoặc nước ngoài

Dịch vụ chuyên nghiệp

- Năm 2012: tổng doanh thu là 136,231 tỷ đồng
- Dịch vụ kiến trúc và cơ khí có doanh thu cao nhất (53%), tiếp đến là dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường (26%).
- Các dịch vụ chuyên nghiệp, bao gồm từ hoạt động quản lý tài trợ sở và tư vấn quản lý xếp thứ ba (7%)
- Dịch vụ kiểm toán và kế toán xếp thứ tư (5%).
- Dịch vụ thú y và R&D có doanh thu thấp nhất.

Dịch vụ truyền thông

- Dịch vụ bưu chính viễn thông có vai trò quan trọng nhất trong việc tạo ra doanh thu cho ngành truyền thông.
- Năm 2012
 - Ngành bưu chính viễn thông: 86%
 - Tiếp theo là dịch vụ vận chuyển (9%)
 - Ngành sản xuất và phân phối phim ảnh: mỗi ngành chiếm 2.2% each.

Nội dung

Đặc điểm của một số ngành dịch vụ

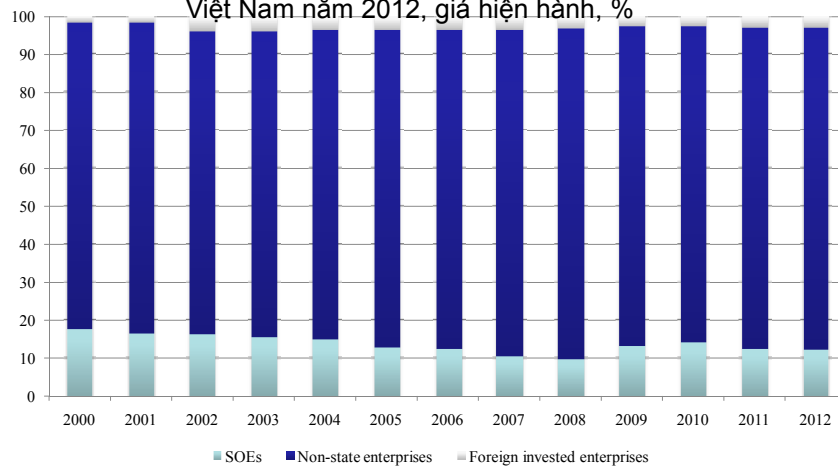
Các thành viên tham gia thị trường và thương mại dịch vụ

Thương mại dịch vụ của Việt Nam và một số nước RCEP

Kết luận và một số vấn đề thảo luận

Các thành viên tham gia thị trường dịch vụ phân phối

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam năm 2012, giá hiện hành, %



Nguồn: TCTK (2013)

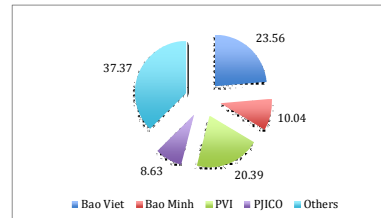
Các thành viên tham gia thị trường dịch vụ phân phối (tiếp)

- Số lượng các nhà phân phối nước ngoài tăng lên
- Các nhà phân phối bán lẻ châu Á: siêu thị, trung tâm thương mại, nhượng quyền thương hiệu nhà hàng
- Các nhà phân phối thuộc các nước RCEP:
 - Lotte, Seiyu, Zen Plaza, Parkson, CP, Aeon, Tos Chirathivat... tham gia nhiều vào hoạt động nhượng quyền thương hiệu nhà hàng và nhượng quyền thương hiệu trong một số dịch vụ giáo dục
 - Các nhà phân phối đến từ Úc, New Zealand và Ấn Độ: ít cạnh tranh
- Các nhà bán lẻ nước ngoài hiện chưa lấn át các nhà phân phối trong nước như lo ngại (doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ của khu vực FDI: 2.9%).

Các thành viên tham gia thị trường tài chính

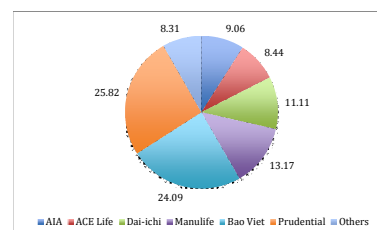
- Thị trường bảo hiểm
 - Tương đối tập trung
 - Bảo hiểm phi nhân thọ
 - Các công ty bảo hiểm nhà nước là những doanh nghiệp lớn nhất.
 - Công ty bảo hiểm nước ngoài: 11.4%
 - 19 văn phòng đại diện nước ngoài: 7 (Nhật Bản), 6 (Hàn Quốc), và 1 (Úc).
 - Bảo hiểm nhân thọ:
 - Doanh nghiệp nước ngoài có vai trò quan trọng trên thị trường bảo hiểm nhân thọ
 - 10 văn phòng đại diện nước ngoài : 1 (Nhật Bản) và 1 (Hàn Quooocs)

Hình 2: Thị phần phí bảo hiểm phi nhân thọ năm 2012 (%)



Nguồn: Bộ Tài chính (2013)

Hình 3: Thị phần phí bảo hiểm nhân thọ năm 2012 (%)



Nguồn: Bộ Tài chính (2013)

Các thành viên tham gia thị trường tài chính (tiếp)

- Năm 2013: 103 ngân hàng và tổ chức tín dụng
 - 5 NHNN hoặc NHTM do Nhà nước nắm cổ phần chi phối
 - 2 NH chính sách nhà nước
 - 34 NHTM cổ phần
 - 4 NH liên doanh (3 NH liên quan tới các nước RCEP)
 - 5 NH 100% nước ngoài (3 từ các nước RCEP)
 - 53 chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- Các ngân hàng nước ngoài tham gia nhiều vào thị trường Việt Nam, nhưng vẫn đóng vai trò khiêm tốn trên thị trường (11% tổng tài sản của khu vực ngân hàng)

Các thành viên tham gia thị trường dịch vụ chuyên nghiệp

- Phần lớn doanh nghiệp dịch vụ chuyên nghiệp là doanh nghiệp ngoài quốc doanh (93% in 2012)
- Số lượng doanh nghiệp đa quốc gia lớn ngày càng tăng, đặc biệt trong lĩnh vực pháp lý và kiểm toán
- Dịch vụ pháp lý:
 - Năm 2012: 62 hội luật gia trên cả nước với tổng số thành viên là 7,476 luật sư và 3,467 luật sư thực tập, làm việc cho khoảng 2,047 văn phòng luật sư và 770 công ty luật. Ngoài ra, có khoảng 123 luật sư độc lập.
 - Số lượng các doanh nghiệp luật đa quốc gia lớn có tham gia vào mạng lưới quốc tế cũng tăng nhanh
 - Hiện có ít công ty pháp lý thuộc các nước RCEP hoạt động tại Việt Nam.

Các thành viên tham gia thị trường dịch vụ chuyên nghiệp (tiếp)

- Dịch vụ kế toán, kiểm toán và thuế
 - 155 công ty kiểm toán có đăng ký
 - 4 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (Ernst & Young, PwC, KPMG, và Grant Thornton)
 - 5 doanh nghiệp nước ngoài (E Jung, Mazars, HSK, Immanuel, S&S)
 - 145 công ty TNHH và 1 công ty hợp danh (CPA Australia - Vietnam).
 - Trong số 10 công ty kiểm toán có doanh thu lớn nhất, chỉ có 3 doanh nghiệp Việt Nam.
 - Thị trường nội địa hiện nay do các doanh nghiệp nước ngoài thống lĩnh, đặc biệt là 4 ông lớn PwC, Deloitte, Ernst & Young và KPMG.

Các thành viên tham gia dịch vụ truyền thông

- DNNN thống trị
- Sự thống trị của các nhà cung cấp nội địa:
 - Dịch vụ vận chuyển: VNPost chiếm thị phần lớn nhất là 37%, tiếp đến là DHL-VNPT, VTP, TNT-Vietrans...
 - Dịch vụ phát thanh truyền hình (phân phối hình ảnh): 5 nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp lớn nhất là SCTV, VTVcab, VNPT, HTVC, và BTS.
 - Dịch vụ bưu chính viễn thông: 5 nhà cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông có thị phần lớn nhất là VNPT, Viettel, SPT, FPT Telecom và VTC.
 - Dịch vụ điện thoại di động và 3G: Viettel là nhà cung cấp lớn nhất

Thương mại trong dịch vụ phân phối

- Nhập khẩu
 - Các nhà bán lẻ nước ngoài hiện chưa lấn át các nhà bán lẻ trong nước như lo ngại.
 - Nhập khẩu thấp.
 - Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam tương đối thấp.
Phương thức 3: các dự án FDI năm 2012 là 220 dự án với 772.8 triệu USD (17% tổng dự án FDI và 5% tổng vốn đăng ký)
- Xuất khẩu
 - Không thành công khi xâm nhập vào thị trường quốc tế
 - Phần lớn các nhà bán lẻ hoạt động tại thị trường trong nước và chưa chú trọng thị trường nước ngoài
 - Xuất khẩu dịch vụ phân phối của Việt Nam vẫn thấp
 - Số lượng và vốn đăng ký của các dự án đầu tư ra nước ngoài (cộng dồn tới 31/12/2013) là 152 dự án (21% tổng dự án đầu tư ra nước ngoài) và 187.5 tỷ USD (1.45% tổng vốn đăng ký).

Thương mại dịch vụ tài chính

- Thương mại dịch vụ tài chính chiếm tỷ lệ nhỏ trong thương mại dịch vụ của Việt Nam.
 - Kim ngạch nhập khẩu: 817 tỷ USD năm 2013 (8.9%)
 - Kim ngạch xuất khẩu 228 tỷ USD năm 2013 (2%)
 - Thâm hụt tương đối cao
- Thương mại với các nước RCEP vẫn khiêm tốn mặc dù khoảng cách gần và các FTA liên quan tới dịch vụ với Việt Nam.
- FDI: trong hai năm 2012 và 2013, mỗi năm chỉ có 1 dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực này với số vốn đăng ký khiêm tốn USD 100,000 năm và 800,000 USD năm 2013
- Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ra nước ngoài: Phương thức 3, một số NH của Việt Nam như BIDV, MB, Sacombank đã mở chi nhánh tại các nước RCEP láng giềng như Lào, Cambodia, Myanmar và Trung Quốc

Thương mại trong dịch vụ chuyên nghiệp

- Nhập khẩu và xuất khẩu dịch vụ chuyên nghiệp rất thấp.
- Năm 2012: 180 dự án FDI đầu tư vào dịch vụ chuyên nghiệp (gần 14% tổng dự án FDI và 0.6% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam).
- Năm 2012: số dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp là 63 (8.8% tổng vốn FDI và chỉ 0.3% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam)

Thương mại trong lĩnh vực dịch vụ truyền thông

- Có mức thặng dư thương mại trong năm 2010-2013 (thặng dư lần lượt là 78 triệu USD và 81 triệu USD).
- Dịch vụ bưu chính viễn thông có thể coi là tương đối thành công khi xâm nhập vào thị trường nước ngoài, đặc biệt là tại các nước châu Á.
- Viettel và VNPT là hai công ty trong nước hàng đầu về cung cấp dịch vụ viễn thông ra nước ngoài.
- 2013: 37 dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài với trị giá 923.9 triệu USD (5% tổng dự án đầu tư ra nước ngoài và 7.2% tổng vốn đăng ký), đứng thứ hai sau dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí về vốn đăng ký.

Nội dung

Đặc điểm của bốn ngành dịch vụ được lựa chọn

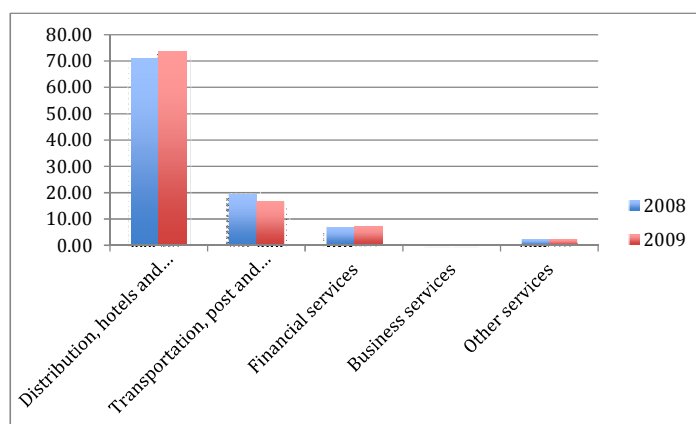
Mô hình kinh doanh và thương mại dịch vụ

Thương mại dịch vụ của Việt Nam và một số nước RCEP

Kết luận và một số vấn đề thảo luận

Xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam tới các nước RCEP

Hình 5: xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam tới các nước RCEP theo ngành năm 2008 và 2009 (%)



Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của WTO-OECD

Xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam tới các nước RCEP (tiếp)

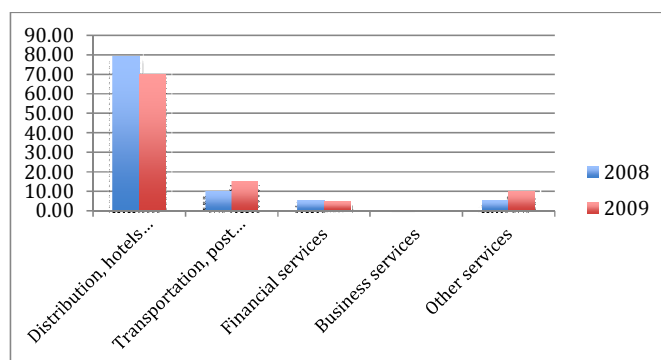
Bảng 7: Thị phần của các nước RCEP trong xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam theo ngành năm 2009 (%)

	Phân phối, khách sạn và nhà hàng	Vận tải, bưu điện và viễn thông	Dịch vụ tài chính	Dịch vụ kinh doanh	Các dịch vụ khác
ASEAN	26.3	19.6	21.3	27.6	31.0
Nhật Bản	42.2	23.2	18.0	4.6	10.3
Hàn Quốc	18.7	30.9	47.0	55.2	46.4
Trung Quốc	2.4	21.7	9.2	2.3	5.5
Ấn Độ	10.0	1.6	2.1	6.9	4.5
Úc	0.4	1.7	1.0	1.1	1.2
New Zealand	0.0	1.2	1.3	2.3	1.2
	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của WTO-OECD

Nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam từ các nước RCEP

Hình 7: Nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam từ các nước RCEP theo ngành năm 2008 và 2009 (%)



Nguồn: Tính toán của tác giả từ nguồn dữ liệu của WTO-OECD

I

Nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam từ các nước RCEP (tiếp)

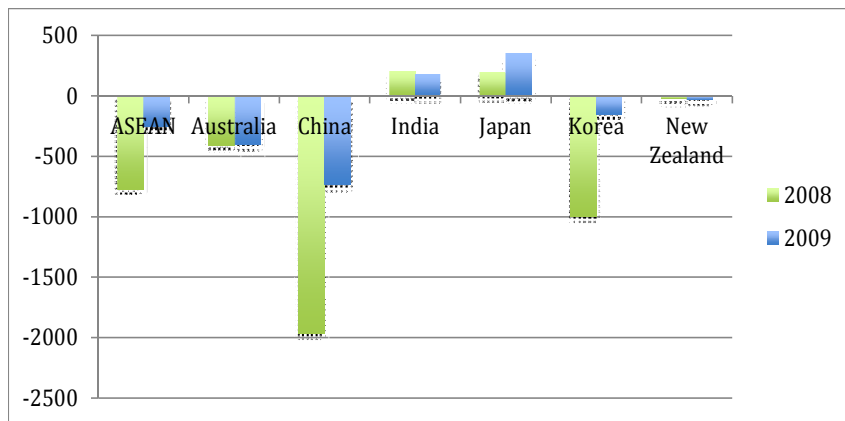
Bảng 10: Thị phần của các nước RCEP trong nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam năm 2009 (%)

Nước	Phân phối, khách sạn và nhà hàng	Vận tải, bưu điện và viễn thông	Dịch vụ tài chính	Dịch vụ kinh doanh	Các dịch vụ khác
ASEAN	27.5	15.2	44.3	38.3	9.8
Nhật Bản	18.9	33.5	8.3	15.0	1.1
Hàn Quốc	18.8	43.0	20.0	25.8	7.3
Trung Quốc	29.9	2.4	2.8	2.5	8.1
Ấn Độ	1.1	0.8	11.0	0.8	2.1
Úc	2.8	4.0	13.0	16.7	68.6
New Zealand	0.9	0.9	0.6	0.8	3.0
Tổng	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

Nguồn: Tính toán của tác giả từ nguồn dữ liệu WTO-OECD

Cán cân thương mại dịch vụ của Việt Nam

Hình 8: Cán cân thương mại dịch vụ của Việt Nam với các nước RCEP năm 2008 và 2009 (%)



Nội dung

Đặc điểm của bốn ngành dịch vụ được lựa chọn

Mô hình kinh doanh và thương mại dịch vụ

Thương mại dịch vụ của Việt Nam với các nước RCEP

Kết luận và một số vấn đề thảo luận

Cơ hội

- Cơ hội lớn cho xuất khẩu trong lĩnh vực phân phối, khách sạn và nhà hàng tới các nước RCEP, đặc biệt là các nước ASEAN và Nhật Bản.
- Cũng có tiềm năng cung cấp dịch vụ phân phối tới Úc
- Cơ hội lớn xuất khẩu dịch vụ truyền thông tới các nước RCEP, đặc biệt là ASEAN

Thách thức

- Cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ chuyên nghiệp tới các nước RCEP hạn chế. Thay vào đó, cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp tại thị trường trong nước sẽ tăng lên đáng kể, đặc biệt với các Hiệp định công nhận lẫn nhau trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).
- Dịch vụ ngân hàng là một lĩnh vực khác mà Việt Nam có khả năng sẽ phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ các nước RCEP, đặc biệt là Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc.
- Có khả năng cạnh tranh trong nước về dịch vụ phân phối và viễn thông sẽ tăng lên đáng kể.
 - Dịch vụ viễn thông: cạnh tranh có thể gia tăng từ phía Ấn Độ.
 - Dịch vụ phân phối: cạnh tranh lớn hơn từ những nhà bán lẻ hiện hữu trên thị trường thông qua mở rộng kinh doanh trong điều kiện quy định mới của Việt Nam về các quy định ENT, và từ các nhà bán lẻ mới, đặc biệt là từ Hàn Quốc, Nhật Bản và có thể cả Thái Lan.

Các vấn đề cần thảo luận

- Những thách thức khi nhập khẩu dịch vụ từ các nước RCEP là gì?
- Những cơ hội xuất khẩu dịch vụ tới các nước RCEP?
- Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm tới RCEP như thế nào?
- Doanh nghiệp Việt Nam cần gì từ Chính phủ để có thể chuẩn bị tốt hơn cho RCEP?

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)